

Số: 323/PBMN-CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG  
KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
- Mã chứng khoán: SFG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.38325889
- Fax: 028.38322807
- Website: www.phanbonmiennam.com.vn
- Email: congty@phanbonmiennam.com.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Quốc Hùng
- Chức vụ: Giám đốc Tổ chức – Hành chính Công ty

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam công bố thông tin Tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Nội dung Thông báo đã được đăng lên Website của Công ty vào ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại đường dẫn <http://www.phanbonmiennam.com.vn/thong-tin-co-dong>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CBTT.



**THÔNG BÁO**  
**Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM;
- Quý Cổ đông.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam xin thông báo về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với những nội dung sau:

**1. Thời gian:** 08h00 ngày 29 tháng 4 năm 2022.

**2. Địa điểm:** Hội trường Nhà máy Phân bón Hiệp Phước – Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Thành phần tham dự:** Cổ đông nắm giữ cổ phiếu SFG theo danh sách chốt ngày **30/3/2022**.

**4. Nội dung chính của đại hội:**

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ năm 2022;

- Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022;

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022;

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

- Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021;

- Các tờ trình và các vấn đề khác.

**5. Tài liệu đại hội:**

Được công bố tại website: [www.phanbonmiennam.com.vn](http://www.phanbonmiennam.com.vn) (chuyên mục Quan hệ cổ đông).

**6. Đăng ký tham dự đại hội:**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội và gửi thư/fax về Công ty trước 16h30 ngày 26 tháng 4 năm 2022 cho Ban tổ chức đại hội:

**Ban tổ chức Đại hội Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.**

Địa chỉ: 125B Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3832 5889 – 3839 3931, gặp chị Vũ Trinh Diễm Hồng (số nội bộ: 200), di động: 0949.036.343 email: [vutrinhdiemhong77@gmail.com](mailto:vutrinhdiemhong77@gmail.com)) hoặc số Fax: 028.38.322.807.

**7. Những vấn đề lưu ý:**

- Khi tham dự Đại hội Quý cổ đông vui lòng mang theo: Thư mời, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền tham dự), CMND/CCCD/Hộ chiếu để làm thủ tục đăng ký tham dự.

- Thông báo thay cho thư mời trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được thư mời.

- Để đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19, Công ty tổ chức test nhanh cho Quý cổ đông/người được ủy quyền trước khi vào tham dự hoặc Quý cổ đông/người được ủy có giấy chứng nhận âm tính với Covid-19 trong vòng 24h.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quý**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2022*

**CHƯƠNG TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

**Thời gian tổ chức:** 8h00 thứ Sáu, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**Địa điểm:** Nhà máy Phân bón Hiệp Phước, lô B2 khu B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>
<b>7h00-8h00</b>	Đại biểu đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kiểm tra tư cách đại biểu tham dự.
<b>8h00-8h20</b>	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
	Khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
	Chủ tọa đại hội cử Thư ký Đại hội.
	Chủ tọa đại hội đề cử Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua.
<b>8h20-8h35</b>	Thảo luận và biểu quyết thông qua: - Chương trình cuộc họp Đại hội - Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Quy chế bầu cử; - Thê lệ biểu quyết.
<b>8h35-9h40</b>	<b>I. Đọc các báo cáo, tờ trình.</b>
	1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về đánh giá công tác quản trị Công ty năm 2021 và mục tiêu phương hướng năm 2022.
	2. Báo cáo của Tổng giám đốc Công ty về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.
	3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
	4. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 đã được kiểm toán.
	5. Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phân chia lợi nhuận và trả cổ tức năm 2021.
	6. Tờ trình kế hoạch sản xuất – kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2022; ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức tạm ứng cổ tức và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông.
	7. Tờ trình báo cáo việc trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và dự kiến mức trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.
8. Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022.	

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>
	9. Tờ trình của Hội đồng quản trị về sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
<b>9h40-10h20</b>	Thảo luận về các báo cáo, tờ trình.
<b>10h20-10h40</b>	Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình nêu trên.
<b>10h40 -11h30</b>	<b>II. Bầu cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025</b>
	1. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
	2. Đề cử, ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị
	3. Biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị.
	4. Bỏ phiếu, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử
<b>11h30</b>	<b>III. Thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</b>
	1. Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
	2. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

*Tài liệu cổ đông năm 2022:*  
[www.phanbonmiennam.com.vn/thong-tin-co-dong.html](http://www.phanbonmiennam.com.vn/thong-tin-co-dong.html)

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2022*

**QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II**

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự Đại hội**

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 30/3/2022.
2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
  - a. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty;
  - b. Khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông, mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp được nhận các tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên đó ghi rõ mã số tham dự, họ tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo bản chính Thông báo mời họp, Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu, Bản chính Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự.

b. Trang phục chỉnh tề, lịch sự;

c. Nếu cổ đông ghi âm, ghi hình tại Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e. Biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội;

f. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

g. Nghiêm túc chấp hành quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội. Không có hành vi cản trở, gây rối; ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội hoặc làm cho Đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

h. Tự túc chi phí tham dự Đại hội.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa giới thiệu đến đại hội.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thông qua việc kiểm tra các hồ sơ quy định tại Mục a, Khoản 3 Điều 2 Quy chế này;

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước khi biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông tham dự Đại hội;
- d. Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và bốn (04) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - a. Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
  - b. Hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết;
  - c. Kiểm phiếu, tính toán, tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - d. Lập Biên bản Kiểm phiếu, công bố trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố;
  - e. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và các biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa ngay sau khi kết thúc Đại hội.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa và thư ký Đại hội**

1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và một số thành viên Hội đồng quản trị Công ty hoặc thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty do Đại hội biểu quyết, có chức năng điều khiển Đại hội. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.



3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số các cổ đông tham dự.

4. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu, giải quyết những vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

5. Chủ tọa Đại hội có các quyền:

a. Có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

b. Không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;

c. Có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội;

d. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

6. Chủ tọa cử một (01) hoặc một số người làm Thư ký Đại hội. Nhiệm vụ của Thư ký:

a. Lập Biên bản cuộc họp Đại hội;

b. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được Đại hội thông qua và gửi hồ sơ, kết quả Đại hội đến cổ đông;

c. Trình bày trước Đại hội về Biên bản, Nghị quyết của Đại hội;

d. Tiến nhận Phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông;

e. Các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

### **Chương III**

## **THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

### **Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự chưa đại diện đủ 51% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp xem như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

2. Trường hợp Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

### **Điều 7. Tiến hành Đại hội**

1. Đại hội sẽ được tiến hành theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 9, Điều 10 của Quy chế này.

3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

### **Điều 8. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, bao gồm:

- a. Báo cáo của HĐQT về hoạt động quản trị năm 2021; Phương hướng nhiệm vụ năm 2022.
- b. Báo cáo của của Tổng giám đốc về kết quả SX – KD năm 2021, và các giải pháp thực hiện kế hoạch SX –KD năm 2022.
- c. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
- d. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- e. Tờ trình Phương án phân chia lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021.
- f. Tờ trình kế hoạch SXKD và cổ tức năm 2022; Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức tạm ứng cổ tức và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông.
- g. Tờ trình báo cáo thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty và Người công bố thông tin năm 2021. Đề nghị mức thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty và Người công bố thông tin năm 2022.
- h. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán năm 2022.
- i. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các Quy chế.
- j. Đơn từ nhiệm của Thành viên HĐQT và giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Thành viên HĐQT mới thay thế.

### **Điều 9. Thẻ biểu quyết**

1. Thẻ biểu quyết được sử dụng đối với các nội dung:
  - Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu;
  - Quy chế tổ chức Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử;
  - Chương trình làm việc của Đại hội;
  - Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số vấn đề khác phát sinh ngay tại Đại hội khi được Chủ tọa lấy ý kiến.
2. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung. Chủ tọa Đại hội sẽ công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi biểu quyết.

### **Điều 10. Phiếu biểu quyết**

1. Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội quy định tại Điều 8 Quy chế này (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu vào ô Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Phiếu biểu quyết.

2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác; phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn; hoặc cổ đông không ký tên vào Phiếu biểu quyết, Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến.

3. Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

4. Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ.

5. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông phải gửi lại Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về.

### **Điều 11. Phiếu bầu cử**

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. (chi tiết về thể lệ bầu cử và phương thức bầu cử thể hiện chi tiết trong Quy chế bầu cử).

### **Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

1. Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định của Ban tổ chức và thuộc phạm vi các vấn đề trong Chương trình Đại hội.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký theo mẫu Phiếu đăng ký quy định. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được Thư ký chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi cổ đông cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay. Chỉ khi

được Chủ tọa mời thì mới được phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn không quá 03 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

### **Điều 13. Biên bản Đại hội**

1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và thư ký Đại hội liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

2. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản Đại hội, Nghị quyết của Đại hội sẽ được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ ngày kết thúc Đại hội.

5. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

### **Điều 14. Nghị quyết Đại hội**

1. Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết được gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày thông qua nếu trong Nghị quyết không ghi ngày khác.

### **Điều 15. Hiệu lực thi hành của Quy chế**

1. Quy chế này gồm ba (03) chương, mười bốn (14) điều và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội biểu quyết thông qua;

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

3. Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được thông qua với tỷ lệ

từ 51% tổng số thẻ biểu quyết, quy chế này có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

***Nơi nhận:***

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của công ty;
- Đăng trên website;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**



**Nguyễn Văn Quý**

**QUY CHẾ  
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng thực hiện bầu cử**

1. Quy chế này quy định về bầu thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam (“**Công ty**”) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (“**DHĐCĐ**”).

2. Đối tượng thực hiện bầu là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lập để tham dự Đại hội) có mặt tại Đại hội.

**Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT**

1. Ứng viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và pháp luật liên quan;

- Có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên;
- 2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật.
- 3. Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng 03 năm qua.
- 4. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và số thành viên được bầu**

#### **1. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

Các cổ đông nắm giữ bằng hoặc nhỏ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **2. Số lượng thành viên HĐQT được bầu: 01 thành viên.**

#### **3. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT bao gồm:

- Đơn đề cử, ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao công chứng/chứng thực Chứng minh nhân dân/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương được lập bởi



Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày 30/3/2022 - ngày chốt danh sách cổ đông hợp ĐHĐCĐ của Công ty);

- Cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân và cam kết sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

4. Để đảm bảo công tác kiểm tra hồ sơ và công tác chuẩn bị tài liệu trình Đại hội của Ban tổ chức, hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội của Công ty trước 10h00 ngày 25/4/2022 theo địa chỉ sau đây:

**- Ông Trịnh Quốc Hùng, Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

**- Số điện thoại: 0982030607**

**- Email: hungtrinh7174@gmail.com**

5. Chỉ những hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

#### **Điều 4. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử**

1. Danh sách các ứng cử viên HĐQT:

- Danh sách ứng viên HĐQT được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu.

2. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử do Hội đồng quản trị Công ty chuẩn bị, có đóng dấu treo của Công ty;

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát phiếu bầu cử thành viên HĐQT;

- Trường hợp ghi sai Phiếu bầu cử, cổ đông liên hệ với Ban Tổ chức để đổi phiếu bầu khác nếu việc bầu cử chưa kết thúc và phiếu chưa được bỏ vào thùng phiếu.

#### **Điều 5. Phương thức bầu cử và nguyên tắc trúng cử**

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện thông qua việc bỏ phiếu kín. theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên

được bầu.

3. Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Trường hợp chỉ có 01 ứng viên được giới thiệu để bầu thì cổ đông có thể bầu toàn bộ hoặc một số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc không bầu (ghi số 0).

5. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

## **Điều 6. Ban Kiểm phiếu và tổ chức việc kiểm phiếu - Điều kiện hợp lệ của phiếu bầu cử**

### **1. Ban Kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
  - Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu.
  - Tiến hành kiểm phiếu.
  - Công bố kết quả bầu cử trước Đại Hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử làm thành viên HĐQT.

### **2. Tổ chức kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông/đại diện cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi đã chốt danh sách ứng viên và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc ngay sau khi Chủ tọa hỏi Đại Hội về việc còn cổ đông nào chưa bỏ phiếu mà không có cổ đông nào có ý kiến;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Ban kiểm phiếu không được tự gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại Hội;
- Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

### **3. Phiếu bầu cử hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:**

- Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng

thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Tổng số phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng ( $\leq$ ) tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (tổng số phiếu bầu được phép bằng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu).

- Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

#### **4. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:**

- Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra, Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được công bố tại ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền;

- Phiếu bầu vượt quá phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên;

- Phiếu bầu nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

#### **Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT**

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định là người có tổng số phiếu biểu quyết được bầu cao nhất, nhưng phải từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

#### **Điều 8. Công bố kết quả kiểm phiếu**

1. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử thành viên HĐQT và phải được Ban Kiểm phiếu công bố ngay tại Đại Hội.

2. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia và ủy quyền dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT.

3. Kết quả trúng cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại Hội.

#### **Điều 9. Khiếu nại**

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu tại Đại hội sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 10. Hiệu lực**

Quy chế này gồm có 10 Điều và có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

***Nơi nhận:***

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của công ty;
- Đăng trên website;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Văn Quý**

**NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ  
BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần được Đại hội thông qua với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Nguyên tắc biểu quyết**

- Đúng điều lệ, đúng luật và chính xác;
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách bỏ phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu;
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu do được ủy quyền;
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu phiếu đó hợp lệ theo quy định;
- Cổ đông biểu quyết bằng phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết). Cách thức biểu quyết được quy định cụ thể tại Mục 2 dưới đây. Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ % giữa tổng số cổ phần của các phiếu biểu quyết hợp lệ và tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp.
- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến. Kết quả được lấy theo ý kiến đa số và sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

**II. Cách thức biểu quyết**

**1. Quy định chung:**

- Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Ban Chủ tọa Đại hội và chỉ sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) tham dự Đại hội cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được phát Phiếu biểu quyết.

Phiếu biểu quyết được thu bởi các thành viên của Ban kiểm phiếu và được kiểm phiếu, lập biên bản ngay sau khi thu.

- Thông tin in trên phiếu biểu quyết:

+ Họ và tên cổ đông, hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông.

+ Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu: Là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông đại diện.

+ Nội dung biểu quyết.

+ Dấu treo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

- Phân loại phiếu biểu quyết:

+ Phiếu biểu quyết hợp lệ: Là Phiếu in sẵn theo mẫu do Ban Tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam; Phiếu không bị rách, không bị gạch xóa, sửa chữa, không viết thêm nội dung nào khác và có đánh dấu biểu quyết theo đúng quy định trên Phiếu biểu quyết; Phải có chữ ký xác nhận của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

+ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ... vào phiếu biểu quyết khi không được Chủ tọa yêu cầu; Không đánh dấu hoặc đánh dấu từ hai ô trở lên cho các nội dung lấy ý kiến biểu quyết; Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có dấu treo của SFJC; Bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn hoặc không có chữ ký của đại biểu tham dự, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

+ Phiếu biểu quyết có 1 phần nội dung biểu quyết không hợp lệ: là Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của SFJC, không bị rách, gạch xóa, sửa chữa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định, có chữ ký của đại biểu tham dự; không đánh dấu hoặc đánh dấu từ 02 (hai) ý kiến trở lên đối với 01 (một) nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

## **2. Cách thức biểu quyết:**

- Nếu đồng ý vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô tán thành.

- Nếu không đồng ý vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô không tán thành;

- Nếu không có ý kiến về vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô không có ý kiến;

- Các vấn đề đưa ra biểu quyết, mỗi cổ đông chỉ sử dụng Phiếu biểu quyết mà trên Phiếu đã được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.

- Chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

### **3. Tổng hợp kết quả.**

- Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội đối với từng vấn đề biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào biên bản Đại hội cổ đông.

## **III. THÔNG QUA KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT**

1. Các nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trừ khoản 1, khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; các nội dung phát sinh tại đại hội (nếu có) tỷ lệ biểu quyết thông qua cụ thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Đại hội cổ đông: quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

## **IV. HIỆU LỰC**

Nguyên tắc, Thể lệ biểu quyết có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam thông qua.

### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS;

- Cổ đông của công ty;

- Đăng trên website;

- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Văn Quý**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Về công tác quản trị Công ty năm 2021 và mục tiêu, phương hướng năm 2022.**

**I. TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2021**

**1. Nhân sự của Hội đồng quản trị**

Cuối năm 2021, nhân sự Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) có sự thay đổi sau Đại hội cổ đông bất thường. Hiện tại nhân sự HĐQT bao gồm 5 thành viên:

1. Ông Nguyễn Văn Quý: Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Đặng Tấn Thành: Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc.
3. Ông Trịnh Quốc Hùng: Ủy viên HĐQT – Giám đốc Tổ chức – Hành chính.
4. Ông Lê Việt Hưng: Ủy viên HĐQT.
5. Ông Ngô Ngọc Quang: Ủy viên HĐQT.

Các hoạt động của từng thành viên HĐQT gắn với việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, luôn chấp hành quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Các thành viên HĐQT đều là những người có kinh nghiệm về lĩnh vực phân bón và tâm huyết với Công ty. Đây chính là yếu tố quan trọng để HĐQT định hướng hoạt động và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

**2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

Trong năm, HĐQT Công ty đã tổ chức 10 cuộc họp để thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT Công ty. Các cuộc họp HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông và tình hình thực tế của Công ty, tổ chức theo đúng quy định, chu đáo, đảm bảo số lượng các thành viên tham gia, các nội dung biểu quyết đều đạt tỉ lệ đồng thuận cao. Nội dung các cuộc họp giải quyết các vấn đề về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý, năm; công tác tổ chức, tài chính, đầu tư, quản trị doanh nghiệp...

Ngoài các cuộc họp được triệu tập, Chủ tịch HĐQT Công ty còn tổ chức 10 lần lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình, từ đó đề ra 10 Nghị quyết/Quyết định có nội dung phù hợp và có tính khả thi. *(chi tiết thể hiện trong báo cáo thường niên).*



Ngoài ra HĐQT cũng tổ chức các cuộc họp với thành phần mở rộng, có các đơn vị liên quan về các chuyên đề, việc thảo luận giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc và các Đơn vị diễn ra với tinh thần cởi mở, xây dựng và cầu thị với mục tiêu tìm ra các quyết sách quản trị và điều hành phù hợp nhất.

## **2.2 Kết quả công tác quản lý của HĐQT**

Trong năm 2021, HĐQT công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thể hiện như sau:

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra định hướng để thực hiện nhiệm vụ; qua đó đã hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản mà ĐHCĐ thường niên năm 2021 giao.

- Tham dự và chỉ đạo các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD từng quý cho Công ty, chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, địa phương, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đối với công tác phòng, chống dịch Covid-19, trong đó chú trọng công tác xây dựng phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn, với phương châm vừa sản xuất, vừa phòng, chống dịch, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán, thông qua các hồ sơ, tài liệu trình Đại hội Cổ đông thường niên do Tổng Giám đốc Công ty trình. Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng được HĐQT xem xét cẩn trọng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch của báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án, đầu tư xây dựng dở dang từ năm 2020 chuyển sang. Xây dựng và áp dụng thí điểm 5S trong sản xuất kinh doanh phân bón lá Yogen tại Nhà máy Phân bón Cửu Long. Cải tiến hệ thống định lượng nguyên liệu đầu vào trên dây chuyền sản xuất NPK, hệ thống đóng chai tự động trên dây chuyền sản xuất phân bón lá Yogen. Bổ sung thiết bị bọc áo dầu và cải tạo lò hơi trong dây chuyền sản xuất NPK...

- Chỉ đạo rà soát và bổ sung công tác quy hoạch cán bộ trong toàn Công ty giai đoạn 2021 - 2025. Trong năm 2021 đã ra quyết định bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng giám đốc Công ty, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty.

- Trong năm 2021 HĐQT đã ban hành “Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty”, “Quy chế kiểm toán nội bộ”.

### 2.3 Kết quả công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã chỉ đạo, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Nhìn chung công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT đề ra, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Quy định của Công ty trong hoạt động điều hành. Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát chặt chẽ, quản lý tốt tiền hàng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, đảm bảo được tình hình tài chính lành mạnh. Lợi nhuận đạt 861% so với kế hoạch. Đời sống của người lao động ổn định, duy trì được việc làm cho người lao động trong đợt giãn cách, môi trường làm việc ngày càng được cải thiện.

### 3. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2021:

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty, cùng những nỗ lực của Ban điều hành Công ty và tập thể người lao động, năm 2021 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã cơ bản hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông giao, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ % Thực hiện so với KH
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	1.670.000	2.117.795	127%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	5.000	43.045	861%

### 4. Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Tổng thù lao( đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	72.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	240.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>312.000.000</b>

### Đánh giá chung:

Năm 2021, HĐQT Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật. Hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, lợi nhuận năm 2021 đạt 861% so với kế hoạch, thu nhập bình quân của người lao động đạt khá. Đạt được kết quả nêu trên là sự cố gắng rất lớn của HĐQT Công ty, Ban điều hành và tập thể người lao động trong Công ty cùng với sự tin tưởng, đồng hành của các quý vị cổ đông.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022

### 1. Định hướng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Sau khi xem xét các mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2021, căn cứ tình hình thị trường, năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng hiện tại, dự báo những thách thức, khó khăn trong năm 2022, HĐQT Công ty thống nhất đề xuất kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch SXKD năm 2022	Tỷ lệ % so thực hiện năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	1.768.000	83%
2	Lợi nhuận	Tr. đồng	31.500	73%

### 2. Các giải pháp thực hiện:

Trong năm 2022, HĐQT Công ty sẽ tập trung triển khai một số giải pháp chủ yếu sau:

*Trách nhiệm của từng thành viên HĐQT:* Theo sát diễn biến thị trường để đưa ra những giải pháp hiệu quả, linh hoạt; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp 2021 và Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

*Về công tác ứng phó với diễn biến dịch bệnh Covid-19:* Thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo các cấp về các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

*Về công tác thị trường - phát triển thương hiệu:* Nghiên cứu phát triển, sản xuất ra các sản phẩm mới. Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm. Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh thương mại, các mặt hàng phân đơn và và tìm kiếm khách hàng để xuất khẩu phân bón, đặc biệt chú trọng thị trường Cambodia và Myanmar.

*Về công tác tổ chức, cán bộ và quản trị hành chính:* Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của công ty phù hợp với sự thay đổi của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty. Kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới

*Về công tác tài chính kế toán:* Thực hiện các giải pháp quản trị chi phí để hạ giá thành sản phẩm. Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng chống rủi ro về tài chính. Triển khai quyết liệt chương trình tiết kiệm, tiết giảm chi phí, sử dụng hiệu quả đồng vốn.

*Về công tác quản trị vật tư:* Thường xuyên dự báo thị trường để có kế hoạch dự trữ vật tư nguyên liệu hợp lý, kiểm soát quá trình sử dụng vật tư nguyên liệu trong quá trình sản xuất.

*Công tác đầu tư:* Tiếp tục triển khai các hạng mục theo tiến độ đã được phê duyệt. Tìm các giải pháp và ứng dụng các giải pháp công nghệ mới kéo dài tuổi thọ thiết bị.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT về kết quả công tác quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022, trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**



**Nguyễn Văn Quý**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

**PHẦN THỨ NHẤT  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021**

**I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

**1. Thuận lợi:**

- Năm 2021, thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, diện tích cánh tác một số nông sản chủ lực thấp hơn so với cùng kỳ nhưng năng suất cao, tạo điều kiện cho nông dân đầu tư và sử dụng phân bón;

- Trung Quốc và Nga - hai trong số ba quốc gia xuất khẩu phân bón nhiều nhất thế giới tạm ngừng xuất khẩu phân bón để ổn định nguồn cung trong nước và kiểm soát lạm phát mang lại cơ hội cho xuất khẩu phân bón một số đơn vị, trong đó có Công ty;

- Hệ thống phân phối tại các khu vực luôn hợp tác, đồng hành cùng Công ty. Thương hiệu “Phân bón Miền Nam” tiếp tục được bà con nông dân trong và ngoài nước tin dùng;

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao và quan tâm của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty trong việc vừa phòng, chống dịch, vừa tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban Điều hành, các tổ chức đoàn thể và người lao động luôn đoàn kết, có sự đồng thuận, thống nhất cao trong công tác xây dựng kế hoạch và các giải pháp triển khai thực hiện để hoàn thành kế hoạch do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cổ đông và Hội đồng quản trị giao trong năm 2021.

**2. Khó khăn:**

Mặc dù năm 2021 có những thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng tình hình kinh tế nói chung và ngành sản xuất phân bón nói riêng vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách kéo dài (đặc biệt là quý II và

quý III/2021) và tình hình chính trị trên thế giới đã tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như:

- Nguyên vật liệu đầu vào khan hiếm và giá các mặt hàng như Kali, Ure, DAP, SA và Lưu huỳnh tăng cao từ 2,5 - 3 lần nhưng giá bán các sản phẩm phân bón không tăng theo tỷ lệ thuận;

- Phương tiện vận chuyển không đủ nguồn cung làm đứt chuỗi cung ứng, gặp rất nhiều khó khăn trong việc giao nhận nguyên liệu và hàng hóa phục vụ tiêu thụ trên thị trường;

- Nhân lực phục vụ cho sản xuất thiếu hụt do thực hiện cách ly và giãn cách xã hội dẫn đến sản lượng sản xuất không đáp ứng đủ đơn hàng trong một số thời điểm;

- Chi phí cho công tác phòng, chống dịch: Xét nghiệm tầm soát, thực hiện “3 tại chỗ” tương đối lớn, giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện		TH năm 2021 so với cùng kỳ (%)	TH năm 2021 so với KH 2021 (%)
				Năm 2020	Năm 2021		
<b>1</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu sản xuất</b>						
	Supe Lân các loại	Tấn	100.000	84.087	116.657	139%	117%
	Phân bón NPK các loại	Tấn	170.000	109.131	106.935	98%	63%
	Axit Sunphuric (H2SO4) tổng số	Tấn	100.000	73.296	94.606	129%	95%
	Bao bì	Cái	10.000.000	7.942.245	9.534.972	120%	95%
	Phân bón lá YOGEN	Tấn	120	86,5	120,2	139%	100%
<b>2</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ</b>						
	Supe Lân các loại	Tấn	100.000	89.358	104.962	117%	105%
	Phân bón NPK	Tấn	170.000	112.270	119.729	107%	70%
	KD nguyên liệu	Tấn	20.000	49.457	96.754	196%	484%
	Axit Sunphuric (H2SO4) thương phẩm	Tấn	60.000	52.065	57.558	111%	96%
	Bao bì	Cái	10.000.000	7.982.798	9.545.935	120%	95%
	Phân bón lá YOGEN	Tấn	120	101,2	106,9	106%	89%
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tr đ	1.670.000	1.432.244	2.117.795	148%	127%
<b>4</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Tr đ	30.000	8.906	35.195	<b>395%</b>	<b>117%</b>
<b>5</b>	<b>Xuất khẩu</b>						
	Tổng kim ngạch xuất khẩu	USD	7.500.000	4.068.781	15.420.327	379%	206%

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện		TH năm 2021 so với cùng kỳ (%)	TH năm 2021 so với KH 2021 (%)
				Năm 2020	Năm 2021		
	Số lượng SP xuất khẩu	Tấn	25.000	14.096	45.597	323%	182%
6	Nợ phải thu của khách hàng	Tr đ	18%/D.thu	279.208	104.891	38%	35%
7	Tổng vốn đầu tư	Tr đ	10.500	13.694	6.224	45%	59%
8	Lợi nhuận	Tr đ	5.000	3.026	43.045	1.423%	861%
9	Cổ tức	%	Không thấp hơn 1%	2,5%	2%	80%	

### III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

#### 1. Về kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2021, Công ty cũng như các đơn vị cùng ngành gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, thiếu hụt nguồn lực lao động, phương tiện vận chuyển, giãn cách xã hội trên diện rộng đã làm cho sản lượng sản xuất và tiêu thụ NPK không đạt theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Ban Điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp về sản xuất, bán hàng, kinh doanh thương mại nên các chỉ tiêu chính như: Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế); doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

#### 2. Về nhân sự Ban Điều hành:

- Kéo dài thời gian giữ chức vụ 01 Phó Tổng Giám đốc đến khi nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí;
- Bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực Kỹ thuật - Sản xuất Công ty;
- Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty.

#### 3. Về công tác phát triển thị trường:

- Trong năm 2021, nhiều kế hoạch marketing dự kiến đã không triển khai trực tiếp đến hệ thống phân phối và nông dân được do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện truyền thông trên các đài phát thanh và truyền hình: HTV, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và miền Bắc, đặc biệt là phối hợp với Đài truyền hình Bình Thuận phát sóng chương trình “kiến thức nhà nông” để giới thiệu sản phẩm mới (SFJC Bio-Gold G.A.P) và các

sản phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho các loại cây trồng chủ lực khu vực Duyên hải miền Trung.

- Phối hợp với các nhà khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp để giải đáp cho bà con nông dân các vấn đề liên quan đến kỹ thuật canh tác, sử dụng các loại phân bón mới có hiệu quả trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, cải tạo đất, qua đó giúp cho bà con nông dân tiếp thu nhiều kiến thức khoa học áp dụng vào sản xuất phù hợp với giống, điều kiện thổ nhưỡng;

- Sau khi hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường trong tình hình mới, Công ty đã tập trung nguồn lực rà soát, đánh giá môi trường, hệ thống đại lý tại thị trường Campuchia để chuẩn bị nguồn lực tham gia thị trường đầy tiềm năng trong năm 2022.

#### **4. Về hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường:**

- Cải tiến hệ thống định lượng nguyên liệu đầu vào trên dây chuyền sản xuất NPK, hệ thống đóng chai tự động trên dây chuyền sản xuất phân bón lá Yogen;

- Bổ sung thiết bị bọc áo dầu trên dây chuyền sản xuất NPK tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước và Nhà máy Phân bón Cửu Long để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí trong sản xuất;

- Cải tạo lò hơi trong dây chuyền sản xuất NPK để duy trì nguồn hơi ổn định giúp cho quá trình tạo hạt được đồng đều, giảm phế trong quá trình sản xuất;

- Nghiên cứu, chế tạo hệ thống sấy để nâng cao năng suất sản xuất sản phẩm SFJC Bio-Gold G.A.P đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên thị trường;

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị hiện tại, thay đổi các thông số công nghệ và ứng dụng vào sản xuất các sản phẩm phân bón hữu cơ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước tiếp cận xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ theo định hướng của chính phủ.

#### **5. Về công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm:**

- Trước tình hình khan hiếm, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, Công ty đã chủ động nghiên cứu và đưa vào sản xuất một số nguyên liệu tồn kho hiện có, đảm bảo chất lượng theo đúng quy định, qua đó đã giảm đáng kể nguyên liệu tồn kho, giảm chi phí tài chính, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2021;

- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, thử nghiệm các loại nguyên liệu mới và đưa vào sản xuất các sản phẩm mới có hàm lượng dinh dưỡng cao, phù hợp với



từng loại đất, cây trồng;

- Xây dựng kế hoạch để tổ chức khảo nghiệm sản phẩm phân bón hữu cơ SFJC Bio-Gold G.A.P trên các loại cây trồng chủ lực tại nhiều khu vực để đưa ra các khuyến cáo, định hướng cho bà con nông dân kỹ thuật canh tác, sử dụng sản phẩm có hiệu quả;

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ sản xuất thành công các sản phẩm xuất khẩu như: NPK 23-10-5+6S+TE; NPK 10-20-10+6S.

## **6. Về công tác quản lý tài chính:**

- Công ty đã chủ động về dòng tiền, cân đối huy động và sử dụng vốn vay hợp lý, vốn vay được kiểm soát chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích, thực hiện trả nợ vay ngân hàng đúng hạn, lãi suất vay vốn trong năm bình quân 4,5%/năm giúp tiết giảm chi phí tài chính của Công ty;

- Thực hiện quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu nội bộ. Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu thông qua việc quản lý và giám sát chặt chẽ định mức sử dụng nguyên vật liệu;

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp đôn đốc thu hồi công nợ, qua đó nợ phải thu của khách hàng cuối năm 2021 là 104.891 triệu đồng bằng 5%/Doanh thu giảm so với cùng kỳ (giảm 62% so với năm 2020);

- Cân đối việc sử dụng và dự trữ hàng tồn kho trong năm ở mức hợp lý, đồng thời luân chuyển nguyên liệu giữa các đơn vị trong nội bộ để quay vòng nhanh nguồn vốn góp phần vào việc giảm chi phí tài chính.

## **7. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên một số dự án đã đăng ký trong kế hoạch đầu tư năm 2021 chưa thể triển khai thực hiện. Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá, xác định lại mức độ cấp thiết, mục tiêu và hiệu quả đầu tư của từng dự án. Trên cơ sở đó, kết hợp các nguồn lực hiện có, Công ty ưu tiên thực hiện các dự án thực sự cấp thiết, nhanh chóng hoàn thành dự án và đưa vào sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh như: Dự án tủ cắt điện trung thế 6kV lộ 675, 676 tại Nhà máy Super Phốt phát Long Thành; dự án bơm axit chìm 120m<sup>3</sup>/giờ tại Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành và 05 phương tiện cơ giới phục vụ sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước, Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành và Nhà máy Phân bón Cửu Long

## **8. Về công tác quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm:**

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm trên từng khâu, từng công đoạn (kể cả nguyên liệu đầu vào) trước khi đóng bao để đưa ra thị trường, qua đó sản phẩm luôn đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu sử dụng của bà con nông dân;

- Xây dựng và áp dụng thí điểm 5S trong sản xuất kinh doanh phân bón lá Yogen tại Nhà máy Phân bón Cửu Long, tiến tới áp dụng đồng bộ cho các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

### **9. Về công tác phòng, chống dịch Covid-19:**

- Ban Điều hành Công ty phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền và chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, địa phương, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Hội đồng quản trị đối với công tác phòng, chống dịch Covid-19, trong đó chú trọng công tác xây dựng phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn với phương châm vừa sản xuất, vừa phòng, chống dịch, đảm bảo sức khỏe cho người lao động;

- Chủ động phối hợp với các địa phương xây dựng phương án và phê duyệt phương án sản xuất “3 tại chỗ”, kịch bản ứng phó với dịch bệnh tại đơn vị và tiêm phòng vaccin cho người lao động;

- Đầu tư các trang thiết bị như: máy khử khuẩn, máy đo thân nhiệt tự động, buồng khử khuẩn, kit test để chủ động trong công tác phòng, chống dịch Covid. Chi phí cho công tác phòng, chống dịch gần 15 tỷ đồng (gồm cả chi phí thực hiện 3 tại chỗ).

### **10. Về chăm lo đời sống đối với người lao động:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo thỏa ước lao động tập thể, thu nhập bình quân năm 2021 gần 12 triệu đồng.

### **11. Các hoạt động cộng đồng:**

Tiếp tục phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ quỹ lũ lụt, thiên tai, ủng hộ quỹ mua vaccin, hỗ trợ một số đơn vị trên địa bàn trú đóng để thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2022**

#### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

Dự báo năm 2022, tình hình chính trị trên thế giới tiếp tục có diễn biến căng thẳng, chiến tranh leo thang, dịch bệnh Covid-19 vẫn còn nhiều phức tạp, giá nguyên vật liệu đầu vào, năng lượng phục vụ hoạt động sản xuất vẫn ở mức cao, một số doanh nghiệp sản xuất phân bón hoạt động trở lại, tạo sự cạnh tranh trên thị trường, xâm nhập mặn, khô hạn có thể xuất hiện trở lại gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp, tiếp tục là những khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua nhận định trên Ban Điều hành đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	KH năm 2022 so với TH 2021 (%)
<b>1</b>	<b>Sản lượng hiện vật</b>				
	- Lân	Tấn	116.657	100.000	86%
	- Phân hỗn hợp NPK	Tấn	106.935	130.000	122%
	- Axit Sunphuric (H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> ) tổng số	Tấn	94.606	105.000	111%
	Trong đó: Axit Sunphuric (H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> ) thương phẩm	Tấn	57.558	65.000	113%
	- Phân bón lá	Tấn	120	130	108%
	- Bao bì PP, PE	Cái	9.534.972	10.000.000	105%
<b>2</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
	- Lân	Tấn	104.962	105.000	100%
	- Phân hỗn hợp NPK	Tấn	119.729	130.000	109%
	- KD nguyên liệu	Tấn	96.754	20.000	21%
	- Axit Sunphuric (H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> ) thương phẩm	Tấn	57.558	65.000	113%
	- Phân bón lá	Tấn	107	130	122%
	- Bao bì PP, PE	Cái	9.545.935	0.000.000	105%
<b>3</b>	<b>Giá trị sản phẩm xuất khẩu</b>	<b>USD</b>	15.420.327	7.500.000	49%
<b>4</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr đ</b>	2.117.795	1.768.000	83%
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr đ</b>	43.045	31.500	73%
<b>6</b>	<b>Chi trả cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>2%</b>	Dự kiến không thấp hơn thực hiện năm 2021	

## II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022

## **1. Về hoạt động kinh doanh:**

- Thường xuyên theo dõi sát biến động như tình hình chính trị trên thế giới, dịch bệnh và các yếu tố tác động đến giá nguyên vật liệu đầu vào để xây dựng kế hoạch mua, dự trữ nguyên liệu hợp lý phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách bán hàng linh động theo diễn biến trên thị trường, theo mùa vụ để gia tăng sản lượng tiêu thụ, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế;

- Phối hợp với các đơn vị trong Tập đoàn thống nhất một số cơ chế, chính sách về giá bán một số sản phẩm tương đồng để giá trị sản phẩm phản ánh đúng với chất lượng;

- Tiếp tục cộng tác với các đối tác trong năm 2021, mặt khác chủ động tìm kiếm khách hàng, đối tác mới để duy trì và nâng cao sản lượng xuất khẩu;

- Duy trì và phát triển để giới thiệu và gia tăng kinh doanh sản phẩm trên sàn thương mại điện tử;

- Chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu để kinh doanh thương mại, kết hợp với kinh doanh các sản phẩm chủ lực của Công ty;

- Xây dựng mối quan hệ và chăm sóc khách hàng dựa trên lợi ích hài hòa, hợp tác, đồng hành và phát triển bền lâu.

## **2. Về công tác phát triển thị trường:**

- Tiếp tục thực hiện các chương trình đã thực hiện có hiệu quả trong năm 2021, đồng thời xây dựng các clip để quảng bá thương hiệu, sản phẩm của Công ty trên youtube, facebook;

- Tập trung giữ vững thị trường hiện có và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, chú trọng phát triển thị trường tại Lào và Campuchia;

- Đánh giá chất lượng phục vụ của Công ty đối với khách hàng, tiếp thu ý kiến, nhu cầu của khách hàng để cung cấp sản phẩm chất lượng, phù hợp;

- Đánh giá hệ thống phân phối để đưa ra các giải pháp phù hợp gia tăng sản lượng tiêu thụ;

- Thường xuyên nắm bắt thông tin, biến động trên thị trường để kịp thời điều chỉnh chính sách cho phù hợp;

- Nâng cao chất lượng các kênh thông tin hỗ trợ khách hàng về giá cả, kỹ thuật sử dụng và bảo quản phân bón.

### **3. Về công tác quản lý sản xuất:**

- Duy trì công tác kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chặt chẽ chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng và hình thức mẫu mã;

- Tiếp tục cải tiến máy móc thiết bị, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, chú trọng công tác hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu để thay thế nguyên liệu mới vào sản xuất trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào vẫn cao.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên làm công tác kiểm soát chất lượng tiếp thu được kiến thức mới, tiếp cận và sử dụng thành thạo những ứng dụng khoa học trong phân tích chất lượng.

### **4. Về chiến lược sản phẩm:**

- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, công ty có lợi thế như: Lân Long Thành, Axit Sunphuric, phân bón lá Yogen, NPK 20.20.15+TE và các sản phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao, sản phẩm SFJC Bio-Gold G.A.P, các dòng sản phẩm cho lúa;

- Tăng cường hoạt động tư vấn, khuyến cáo để nâng cao giá trị sử dụng sản phẩm; tiếp tục cải tiến và hoàn thiện mẫu mã bao bì để tạo tính đồng bộ và nâng cao giá trị thương hiệu.

### **5. Về khoa học công nghệ, môi trường:**

- Tiếp tục cải tiến công nghệ, đổi mới và bố trí hợp lý thiết bị nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất và chi phí quản lý để giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;

- Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc; tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

### **6. Về công tác tài chính:**

- Tiếp tục duy trì các nguồn vốn để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay phù hợp và sử dụng hiệu quả nguồn vốn;

- Thực hiện quản lý chặt chẽ công nợ, theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ theo

quy chế của Công ty, tiếp tục tìm các giải pháp thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi, giảm trích lập dự phòng nợ khó đòi;

- Thực hiện quản trị tốt hàng tồn kho, tính toán dự trữ hàng tồn kho hợp lý phù hợp với kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2022;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị chi phí để hạ giá thành sản phẩm. Phát huy vai trò của kế toán quản trị và Kiểm toán nội bộ để kiểm soát và phòng ngừa những rủi ro.

### **7. Về công tác đầu tư và sửa chữa:**

- Rà soát, đánh giá các hạng mục đầu tư, sửa chữa năm 2021 chưa thực hiện do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19;

- Tiếp tục tìm các giải pháp và ứng dụng các giải pháp công nghệ mới kéo dài tuổi thọ thiết bị;

- Kiểm tra, đánh giá tình trạng hiện tại của thiết bị trong dây chuyền để xây dựng phương án sửa chữa, đại tu kịp thời nhằm giảm thời gian không ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm

- Công tác đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

### **8. Về tổ chức bộ máy quản lý:**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty;

- Bố trí, sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý, hạn chế thuê nhân công bên ngoài nhằm tiết giảm chi phí và không ảnh hưởng đến quỹ lương.

**9. Về chế độ tiền lương:** Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, bảo đảm thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

**10. Về hoạt động từ thiện, xã hội:** Tiếp tục thực hiện các hoạt động hướng đến cộng đồng, hoạt động xã hội, từ thiện gắn với công tác xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường của Công ty.

### **11. Về công tác phòng, chống dịch:**

- Chấp hành nghiêm các chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, Bộ Y tế và của chính quyền địa phương và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam trong công tác phòng,

chống dịch Covid-19;

- Tiếp tục theo dõi diễn biến của dịch bệnh để đề ra và triển khai các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, các giải pháp phòng, chống dịch tại Công ty, đảm bảo an toàn cho người lao động trong tình hình mới

## **12. Phong trào thi đua:**

Đẩy mạnh phong trào thi đua “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và quản lý, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí” trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Trên đây là báo cáo của ban Điều hành Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

Xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Tấn Thành**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

Thực hiện Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022 của Ban Kiểm soát như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Phân công các thành viên Ban Kiểm soát tham gia kiểm soát các hoạt động của Công ty, thực hiện chức trách của Ban Kiểm soát theo quy định;
- Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty; Thực hiện kiểm soát định kỳ theo quy định;
- Thẩm định báo cáo quản trị Công ty năm 2021;
- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo kiểm toán năm.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT**

**1. Công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2021:**

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ;
- Trong năm Hội đồng quản trị đã thông qua kế hoạch phát triển thương hiệu của Công ty, đồng thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện;



- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty;

- Trình tự, thủ tục các phiên họp của Hội đồng quản trị, việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định;

Ban Kiểm soát nhất trí với các đánh giá của Hội đồng quản trị trong báo cáo quản trị Công ty năm 2021.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra Ban Tổng Giám đốc đã tập trung chỉ đạo và cùng Công ty khắc phục khó khăn, đồng thời phát huy nội lực sẵn có, tận dụng thuận lợi để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra. Các chỉ tiêu cụ thể đã được nêu trong Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc về tình hình mọi mặt của Công ty năm 2021.

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về tình hình khó khăn mọi mặt của Công ty năm 2021.

## **2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:**

- Báo cáo tài chính hàng quý của Công ty được lập và gửi đúng hạn, phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật, với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### **Một số chỉ tiêu tài chính:**

Một số chỉ tiêu tài chính:                      đơn vị

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.055,28	1.428,50
Nợ phải trả	Tỷ đồng	495,86	844,83
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	559,41	583,66
Nợ phải thu khách hàng	Tỷ đồng	279,20	104,89
Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	1.456,55	2.134,65
Dự phòng phải thu khó đòi	Tỷ đồng	40,43	37,31
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,02	43,04
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	55 đ/cp	764 đ/cp

- Trong năm 2021 tình hình sản xuất kinh doanh còn khó khăn, thị trường cạnh tranh khốc liệt. Doanh thu và thu nhập khác: 2.117,79 tỷ đồng. Dự phòng phải thu khó đòi còn: 37,31 tỷ đồng. Lợi nhuận 2021 đạt 43,04 tỷ đồng.

### **3. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo:**

Từ sau kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đến nay, Ban Kiểm soát chưa nhận được bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến các chức danh thuộc Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

### **4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; công bố thông tin cho cổ đông**

- Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp thường kỳ hàng quý và họp bất thường, có sự tham gia của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, kịp thời.

- Ban Kiểm soát đã nhận được tương đối đầy đủ các tài liệu về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

- Các thông tin cơ bản về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty đã được đăng tải công khai trên trang Web của Công ty.

### **5. Về thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát năm 2021:**

Năm 2021, các thành viên Ban Kiểm soát đã nhận thù lao theo mức được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

- Thành viên Ban Kiểm soát:

3.000.000 đồng/tháng x 02 người x 12 tháng = 72.000.000 đ.

Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát năm 2021: **72.000.000** đồng.

## **III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định đối với Công ty niêm yết và thực tiễn hoạt động của Công ty.

2. Đề nghị Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty.

3. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số hạng mục đầu tư để sớm đưa vào hoạt động, phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục có giải pháp tăng cường công tác quản lý công nợ, giảm nợ phải thu; hoàn thiện hồ sơ xử lý nợ không thu hồi được.

## **IV. NHIỆM VỤ NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định, Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

1. Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 và các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

2. Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

3. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, việc lập báo cáo tài chính định kỳ, công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

4. Kiểm tra việc công bố thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết.

5. Kiểm tra, đôn đốc giải quyết các nội dung công việc còn tồn tại.

6. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, có đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành Công ty.

7. Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu.

Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Các thành viên BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phạm Đức Hoài**

**BAN KIỂM SOÁT**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2022*

**TỜ TRÌNH**

**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông danh sách các Công ty kiểm toán độc lập dự kiến lựa chọn để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam, cụ thể như sau:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Được UBCKNN chấp thuận kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực CK	Đã từng kiểm toán Công ty PBMN
1	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Số 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	Chưa
2	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	Số 2 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	Chưa
3	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Có	Có

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty trong danh sách nêu trên làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần phân bón Miền Nam.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phạm Đức Hoài**

Số: 05/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.

Sau khi rà soát khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Miền sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty:**

Stt	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
01	<b>Khoản 1, Điều 21:</b> Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên <b>của tất cả cổ đông dự họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;	<b>Khoản 1, Điều 21:</b> Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên <b>của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;	Theo khoản 5, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

Stt	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
	<p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>f) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>f) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p>	
02	<p><b>Khoản 2, Điều 21:</b></p> <p>Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 21:</b></p> <p>Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>	Theo khoản 5, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 17 và Điểm a, khoản 6, Điều 34 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:**

Stt	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện tại	Nội dung chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
01	<p><b>Khoản 1, Điều 17:</b></p> <p>Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu</p>	<p><b>Khoản 1, Điều 17:</b></p> <p>Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự</p>	Theo khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

Stt	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện tại	Nội dung chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung	Cở sở căn cứ
	<p>quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	<p>(hoặc các đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p>	
02	<p><b>Khoản 2, Điều 17:</b></p> <p>Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 17:</b></p> <p>Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các</p>	Theo khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

Stt	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện tại	Nội dung chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung	Cở sở căn cứ
	khoản 3 của Quy chế nội bộ về quản trị.	trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Quy chế nội bộ về quản trị.	
03	<p><b>Điểm a, khoản 6, Điều 34:</b>  Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</p>	<p><b>Điểm a, khoản, 6 Điều 34:</b>  Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. <b>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.”</b></p>	Theo khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:**



Stt	Nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hiện tại	Nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi bổ sung	Cơ sở căn cứ
01	<p><b>Khoản 2, Điều 17:</b>  Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 17:</b>  Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <b>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</b></p>	Theo khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Văn Quý**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM



*Nâng tầm nông sản Việt*

## ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

## MỤC LỤC

### PHẦN MỞ ĐẦU

#### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

#### **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

#### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

#### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

#### **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị và thư ký Công ty

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

## **IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

## **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 52. Kiểm toán

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 58. Điều lệ công ty

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 59. Ngày hiệu lực

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam tổ chức chính thức vào ngày 23 tháng 4 năm 2021.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

h) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 4, Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

k) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: The Southern Fertilizer Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: SFJC

Công ty là Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 3832 5889 - Fax: (028) 3832 2807

- E-mail: [congty@phanbonmiennam.com.vn](mailto:congty@phanbonmiennam.com.vn)

- Website: [www.phanbonmiennam.com.vn](http://www.phanbonmiennam.com.vn)

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty

Quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp và Điều 35 của Điều lệ này.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất, kinh doanh phân bón các loại (Super lân, NPK, phân bón lá Yogen ...), xi măng, axit sunphuric và các loại hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất. Chế tạo, sản xuất các dây chuyền sản xuất phân bón, hóa chất. Sản xuất gia công đóng gói, sang chiết, bán buôn thuốc bảo vệ thực vật. Sản xuất và kinh doanh bao PP và PE. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh dịch vụ cảng và cho thuê kho, bãi. Bốc xếp hàng hóa. hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (cảng biển, bến tàu, cầu tàu). hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải (dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải, dịch vụ cân xe, dịch vụ môi giới thuê tàu biển; logistics, dịch vụ vận tải đa phương thức (Không bao gồm dịch vụ vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm đạt lợi nhuận cao nhất cho Công ty và cho các cổ đông;

b) Nâng cao giá trị Công ty;

c) Không ngừng cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động;

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

3. Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 478.973.330.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm

bảy mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 47.897.333 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn quy định tại

điều khoản phát hành cổ phiếu của Công ty kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh

toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện

quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

d) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

g) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

i) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí...) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

k) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn

bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm b, khoản 3 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;



e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- m) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- n) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của

tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần

thứ nhất.

## **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);



b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết **của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để**

## **thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua Nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu (nếu có).

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp,

tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

h) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. **Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.**

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng

quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người

quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm



vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình

hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số các thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa

điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với

Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

## **Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công

ty theo quy định tại khoản 5, Điều 156 Luật doanh nghiệp. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty là năm (05) năm và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

g) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;



k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức

kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng

Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

##### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó

hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty, trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở Phương án đề xuất của Hội đồng Quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:

a) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo quy định của pháp luật nhưng tối đa không quá 10% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm của Công ty;

b) Việc trích lập và sử dụng Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành và các Quỹ khác theo quy định của pháp luật phù hợp với hiệu quả sản xuất – kinh doanh và nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền thì Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hằng



năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào 31 tháng 12 sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý

(phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ của Công ty

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một chủ thể khác chỉ định một (01) chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ công ty**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đặng Tấn Thành**

**Nguyễn Văn Quý**

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

## MỤC LỤC

### PHẦN MỞ ĐẦU

#### Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý và Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

#### Chương II. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

##### Mục 1. Quy định đối với đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

##### I. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

##### II . QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT

##### TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

##### III. QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ BÁO CÁO BẮT BUỘC PHẢI TRÌNH ĐẠI HỘI

## **ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty

### **Mục 2. Quy định đối với việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

## **Chương III. Hội đồng quản trị và cuộc họp Hội đồng quản trị**

### **Mục 1. Quy định chung**

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

### **Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên**

#### **Hội đồng quản trị**

Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên

Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Điều 28. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

### **Mục 3. Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị**

Điều 33. Cuộc họp HĐQT

Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

## **Chương IV BAN KIỂM SOÁT**



## **Mục 1. Quy định chung**

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

## **Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

Điều 39. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Điều 40. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 44. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

## **Mục 3. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát**

Điều 45. Cuộc họp Ban kiểm soát

## **Chương V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

Điều 46. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

Điều 47. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Điều 48. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

## **Chương VI. QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**

### **BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 52. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Điều 53. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Điều 54. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Điều 55. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Điều 56. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Điều 57. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

## **Chương VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT**

### **VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

Điều 59. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Điều 60. Khen thưởng

Điều 61. Kỷ luật

## **Chương VIII. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 64. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 65. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 66. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

## **Chương IX . SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 67. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

## **Chương X. NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 68. Ngày hiệu lực

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021*

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối  
với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm  
2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng  
khoán;

-Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công ty Cổ  
phần Phân bón Miền Nam

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 4 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty  
Cổ phần Phân bón Miền Nam

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các  
nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng  
quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng  
cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,  
Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các  
quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội  
đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

3. Công ty: Là Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

4. HĐQT: Là Hội đồng quản trị

5. Ứng cử: Là tự đề cử

6. BKS: Là Ban kiểm soát

7. VSD: Là Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

8. Cổ đông/đại diện cổ đông: Là Cổ đông hoặc cá nhân/tổ chức được cổ đông ủy quyền bằng văn bản theo quy định pháp luật.

## **Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 14 và Điều 15 Điều lệ Công ty.

#### **Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

##### **Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu

mười (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

##### **1. Chủ tọa:**

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ

toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

d) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

e) Nhiệm vụ của Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

2. Thư ký đại hội:

a) Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

### 3. Ban kiểm phiếu:

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

### 4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

a) Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Trường hợp Điều lệ không có quy định khác, nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

## **Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai

mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

## **II. QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

### **Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các



cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận (Công ty phải gửi tài liệu cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu), bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;

c) Thẻ hoặc phiếu biểu quyết, bầu cử;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít

nhất 10% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ Công ty;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự biểu quyết tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

a) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.

b) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; những tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

d) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền

và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

c) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

## **Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

h) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

k) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

q) Quyết định giao dịch đầu tư /bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên trên

tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;

r) Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

s) Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội**

1. Nguyên tắc chung

a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;

b) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được thảo luận và biểu quyết công khai tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Trên Thẻ biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết

a) Thẻ biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự;

Trên Thẻ biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu

chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

b) Thẻ biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Thẻ biểu quyết;
- Thẻ biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Thẻ biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

## **Điều 11. Cách thức biểu quyết**

### **1. Nguyên tắc chung**

a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết;

c) Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

### **2. Các hình thức biểu quyết**

a) Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng bỏ phiếu trực tiếp: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Thẻ biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

Thẻ biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

## **Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

### 1. Nguyên tắc chung

- a) Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- b) Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

### 2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

#### a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng

cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

+ Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

### **Điều 13. Cách thức kiểm phiếu**

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử tán thành nghị quyết, sau đó thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

### **Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

### **Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### **Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi



âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
- h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- i) Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
- k) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- l) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và thông báo cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về

những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự (hoặc các đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Quy chế nội bộ về quản trị.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.

1. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và thông báo cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

### **III. QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ BÁO CÁO BẮT BUỘC PHẢI TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**

#### **Điều 18. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết).

5. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong

trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
8. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
9. Các kế hoạch trong tương lai.

### **Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

### **Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị Công ty**

1. Công ty phải lập Báo cáo tình hình quản trị Công ty tuân thủ các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và

thị trường chứng khoán.

3. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật Chứng khoán về công bố thông tin.

## **Mục 2.**

### **Quy định đối với việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

#### **Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ các trường hợp sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty.
2. Định hướng phát triển công ty.
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác.
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
7. Tổ chức lại, giải thể công ty.

#### **Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/ giấy chứng minh nhân dân/ hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch/số thẻ căn cước công dân/giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền;

c) Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

#### 4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

#### 5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các

trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Chương III**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Mục 1.**

#### **Quy định chung**

#### **Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.



2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;

d) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;

6. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty.

## **Mục 2.**

### **Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

#### **Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ

3. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) Công ty khác.

### **Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty**

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và

ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 28. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

### **Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Quy chế này.

### **Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

### **Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và

ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

a) Số lượng ứng viên: Là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3, Điều này;

b) Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

c) Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp.

### **Mục 3.**

#### **Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị**

##### **Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

###### **1. Quy định chung về cuộc họp Hội đồng quản trị**

a) Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 34 Quy chế này. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

###### **2. Quy định về cuộc họp đầu tiên**

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

###### **3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường**

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại điểm b, khoản này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

#### **Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp):

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

d) Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

e) Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải

được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### 4. Cách thức biểu quyết:

a) Trừ quy định tại khoản 2 điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

f) Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp



thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 5. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

#### 6. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi

biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.”b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;

c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

#### 7. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định hiện hành.

## **Chương IV** **BAN KIỂM SOÁT** **Mục 1** **Quy định chung**

### **Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên, không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty, không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế

toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành

khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2.**

### **Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên**

#### **Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

#### **Điều 39. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty

không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại khoản 4 Điều 44 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 44 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

#### **Điều 40. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên**

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 28 Quy chế này.

#### **Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên**

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Quy chế này.

#### **Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

#### **Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

#### **Điều 44. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 39 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- a) Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3 Điều này;
- b) Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- c) Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

### **Mục 3.**

## **Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát**

### **Điều 45. Cuộc họp Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các kiểm soát viên quan tâm.

## **Chương V NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

### **Điều 46. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

#### **1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc**

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

#### **2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc**

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

#### **3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng**

a) Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

d) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;

e) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

f) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

g) Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 47. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty;

b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

a) Hội đồng quản trị Công ty được tuyển dụng người điều hành Công ty với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức;

b) Nhiệm kỳ của Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty là năm (05) năm và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.



#### **Điều 48. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Hội đồng quản trị có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

#### **Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 46 Quy chế này.
2. Có đơn xin nghỉ việc.
3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết Hội đồng quản trị

#### **Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

### **Chương VI**

#### **QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG**

#### **GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 34 Quy chế này.

#### **Điều 52. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát**

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải

được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 53. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc**

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 54. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

#### 1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

#### 2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e) Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h) Các nội dung khác liên quan lợi ích của Công ty.

**Điều 55. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động.
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị .

**Điều 56. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc**

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc.

**Điều 57. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

a) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b) Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;

c) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp;

d) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

e) Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

f) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi

trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát

a) Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

c) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và

Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

f) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g) Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu

người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

f) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

b) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Quy chế này Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị.

## **Chương VII**

### **QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY KHÁC**

**Điều 59. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người

điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

### **Điều 60. Khen thưởng**

1. Hội đồng quản trị chỉ đạo xây dựng hệ thống khen thưởng của Công ty. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 59 của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

3. Các hình thức khen thưởng: Bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị quyết định. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 61. Kỷ luật**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên



tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **Chương VIII** **LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM,** **MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty**

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

#### **Điều 64. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty**

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 65. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

#### **Điều 66. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

### **Chương IX**

#### **SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 67. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty**

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **Chương X** **NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 68. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm mười (10) Chương, sáu mươi chín (68) Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam nhất trí thông qua ngày      tháng      năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao Quy chế về quản trị Công ty có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị có giá trị như bản chính./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Quý**

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

DỰ THẢO



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày    tháng    năm 2022

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2022*

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- HDQT ngày 29 tháng 4 năm 2022  
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với  
công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020  
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần phân bón Miền Nam;  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng  
4 năm 2022.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công  
ty cổ phần phân bón Miền Nam.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phân bón Miền  
Nam bao gồm các nội dung sau:

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định  
cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng  
quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại  
Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên  
quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị,  
các thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **Chương II** **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập,



chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội**

## **đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

## **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật

Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó

và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký

của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

## **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của

tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **Chương IV** **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.



6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày làm việc** trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ

được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật

Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V** **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh

của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI** **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phân bón Miền Nam bao gồm VII chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Quý**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 42
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 42



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	
Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên	
Ông Lê Việt Hưng	Thành viên	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Phi Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Hữu Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Tấn Thành	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2022
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Trần Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 01 tháng 11 năm 2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên
Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Đặng Tấn Thành**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2018-002-1  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022



Đào Trung Thành  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4700-2019-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.186.707.143.611</b>	<b>811.553.450.785</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>101.697.190.454</b>	<b>56.262.877.163</b>
111	1. Tiền		9.697.190.454	18.262.877.163
112	2. Các khoản tương đương tiền		92.000.000.000	38.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>286.984.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		286.984.000.000	30.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>177.471.868.354</b>	<b>294.612.710.121</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	104.891.721.507	279.208.065.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	104.018.601.735	38.024.481.011
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	5.880.025.979	17.815.779.232
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(37.318.480.867)	(40.435.615.963)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>608.551.955.001</b>	<b>418.297.118.838</b>
141	1. Hàng tồn kho		608.551.955.001	418.297.118.838
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.002.129.802</b>	<b>12.380.744.664</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	990.436.992	4.657.564.230
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.071.668.691	6.094.063.356
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	940.024.119	1.629.117.078
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>241.796.689.095</b>	<b>243.731.753.481</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>300.591.000</b>	<b>16.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	310.591.000	26.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(10.000.000)	(10.000.000)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>167.551.982.376</b>	<b>168.827.414.407</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	78.979.740.295	78.562.758.647
222	- Nguyên giá		521.118.311.099	498.269.827.089
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(442.138.570.804)	(419.707.068.442)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	934.670.457	-
225	- Nguyên giá		1.246.227.273	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(311.556.816)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	87.637.571.624	90.264.655.760
228	- Nguyên giá		114.702.444.707	114.702.444.707
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.064.873.083)	(24.437.788.947)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.074.170.840</b>	<b>12.480.730.121</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.074.170.840	12.480.730.121
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>43.874.896.709</b>	<b>28.582.556.709</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		43.874.896.709	28.582.556.709
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>28.995.048.170</b>	<b>33.825.052.244</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	28.089.234.995	33.825.052.244
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.a	905.813.175	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.428.503.832.706</b>	<b>1.055.285.204.266</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>844.839.712.084</b>	<b>495.868.249.144</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>843.944.332.930</b>	<b>495.536.398.369</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	75.092.258.447	96.000.715.733
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	16.578.898.444	1.514.922.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.937.575.705	13.207.394
314	4. Phải trả người lao động		29.081.406.337	5.863.190.442
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	8.716.430.357	2.275.078.917
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	14.272.568.536	9.763.631.997
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	697.265.195.104	380.105.651.743
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>895.379.154</b>	<b>331.850.775</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	155.900.152	162.731.265
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	169.119.510	169.119.510
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	570.359.492	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>583.664.120.622</b>	<b>559.416.955.122</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	22	<b>583.664.120.622</b>	<b>559.416.955.122</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		478.973.330.000	478.973.330.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		478.973.330.000	478.973.330.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		59.915.529.529	59.915.529.529
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.390.923.137	7.390.923.137
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.384.337.956	13.137.172.456
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		788.779.470	10.111.425.761
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		36.595.558.486	3.025.746.695
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.428.503.832.706</b>	<b>1.055.285.204.266</b>

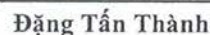


Nguyễn Thị Hương  
Người lập



Đỗ Văn Tuấn  
Kế toán trưởng





Đặng Tấn Thành  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.117.795.193.883	1.432.243.941.364
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	8.118.017.993	43.779.526.819
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.109.677.175.890	1.388.464.414.545
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.948.958.392.719	1.288.924.083.341
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.718.783.171	99.540.331.204
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	10.347.341.149	17.867.035.009
22	7. Chi phí tài chính	28	25.034.492.410	27.675.079.697
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.751.950.226	23.684.233.255
25	8. Chi phí bán hàng	29	72.713.432.368	54.543.394.830
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	36.226.421.289	38.252.059.699
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.091.778.253	(3.063.168.014)
31	11. Thu nhập khác	31	6.516.717.229	6.456.112.424
32	12. Chi phí khác	32	563.519.030	367.197.715
40	13. Lợi nhuận khác		5.953.198.199	6.088.914.709
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.044.976.452	3.025.746.695
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	7.355.231.141	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(905.813.175)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>36.595.558.486</u>	<u>3.025.746.695</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	764	55

Nguyễn Thị Hương  
Người lập

Đỗ Văn Tuấn  
Kế toán trưởng



Đặng Tấn Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.044.976.452	3.025.746.695
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		26.912.132.477	23.548.514.074
03	- Các khoản dự phòng		4.093.174.474	11.823.180.935
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(323.053.044)	894.586.186
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.636.523.282)	(15.845.504.220)
06	- Chi phí lãi vay		21.751.950.226	23.684.233.255
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		86.842.657.303	47.130.756.926
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		96.485.999.929	1.433.539.503
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(190.254.836.163)	34.008.555.235
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		28.038.869.186	(12.212.360.523)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.719.352.767	7.411.638.597
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.499.192.900)	(25.739.451.292)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.871.879.520)	(780.805.858)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.168.568.325)	(2.642.039.798)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.292.402.277	48.609.832.791
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.300.322.172)	(19.110.752.819)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		523.818.182	272.345.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(419.884.000.000)	(30.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		162.900.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.096.599.928	268.911.916
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(265.663.904.062)	(48.569.495.448)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.065.106.830.963	1.117.020.403.879
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.748.341.926.238)	(1.134.320.810.148)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(393.501.872)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.902.823.250)	(356.631.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		304.468.579.603	(17.657.037.469)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		45.097.077.818	(17.616.700.126)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		56.262.877.163	73.875.146.647
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		337.235.473	4.430.642
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>101.697.190.454</u>	<u>56.262.877.163</u>



Nguyễn Thị Hương  
Người lập



Đỗ Văn Tuấn  
Kế toán trưởng



Đặng Tấn Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 478.973.330.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 478.973.330.000 đồng; tương đương 47.897.333 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 687 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 670 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất phân bón, kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phân bón các loại: Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, do tình hình kinh doanh phân bón có nhiều chuyển biến tích cực, nhu cầu về phân bón của thị trường hồi phục sau một thời gian dài ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, đồng thời giá bán nông sản được cải thiện nhiều. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh mặt hàng phân bón của Công ty làm cho doanh thu tăng khoảng 685 tỷ (tương ứng tỷ lệ tăng 47,87%) và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 40 tỷ (tương ứng tăng khoảng 13,2 lần) so với năm trước.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy phân bón Hiệp Phước	Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy phân bón Cửu Long	Số 405, Quốc lộ 1A, xã Tân Hòa, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Super Phốt phát Long Thành	KCN Gò Dầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy sản xuất Bao bì	C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh bao bì

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Khoản đầu tư vào công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền từng tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

## 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

## 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí vận chuyển... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, thuê mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.20 . Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### **2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.  
Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.  
Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành  
Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### 2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 . Thông tin bộ phận

Lĩnh vực chính của Công ty là kinh doanh phân bón và hoạt động kinh doanh chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.303.821.683	4.501.644.678
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.393.368.771	13.761.232.485
Các khoản tương đương tiền (*)	92.000.000.000	38.000.000.000
	<u>101.697.190.454</u>	<u>56.262.877.163</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tuần đến 01 tháng có giá trị 92.000.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 3,2%/năm.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	Giá gốc	Giá gốc
Đầu tư ngắn hạn	286.984.000.000	30.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	286.984.000.000	-
	286.984.000.000	30.000.000.000
		Dự phòng
		-
		-
		-

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 286.984.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 5,4%/năm đến 5,7%/năm.

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Hóa chất Hòa đèo Vina (*)	VND	VND	VND	VND
	43.874.896.709	-	28.582.556.709	-
	43.874.896.709	-	28.582.556.709	-

(\*) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(1) Công ty TNHH Hóa chất LG Vina chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Hóa chất Hòa đèo Vina từ ngày 20/10/2021.

(2) Theo Công văn số 151/LGCVH ngày 30/12/2020 của Công ty TNHH Hóa chất Hòa đèo Vina, Công ty TNHH Hóa chất Hòa đèo Vina đã quyết định phân chia lợi nhuận năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 50% vốn pháp định là 1.900.000 USD và tăng vốn điều lệ thông qua việc tăng vốn góp của các bên góp vốn bằng tiền với tỷ lệ 50% vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng từ 3.800.000 USD lên 5.700.000 USD. Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã hoàn thành việc tăng vốn nêu trên.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Hóa chất Hòa đèo Vina	Tỉnh Đồng Nai	35,00%	35,00%	Sản xuất, kinh doanh hóa chất

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh số 40.



**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	9.762.497.412	-	5.816.231.592	-
- Công ty TNHH Phân bón Nguyễn Ngọc	2.558.540.000	-	689.017.150	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tấn Tài	800.000.000	-	23.473.154.345	-
- Công ty TNHH Thương mại Trung Hiếu	5.313.992.731	(811.647.819)	18.204.992.731	-
- Công ty TNHH MTV Minh Bình Gia Lai	1.453.918.375	(726.959.188)	7.283.728.375	(1.223.552.188)
- Công ty TNHH MTV Nông sản Thành Mai	6.611.968.646	(3.016.814.323)	18.152.668.646	(4.084.836.948)
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.987.423.128	(5.012.168.278)	8.938.460.138	(2.591.815.379)
- Công ty TNHH Hoàng Thuận Tín	4.500.268.459	(4.358.959.459)	6.005.411.748	(4.109.582.224)
- Hộ kinh doanh Phan Đăng Huy	665.074.642	(199.522.393)	21.047.588.542	-
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vân	3.686.790.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	7.527.167.500	-	-	-
- Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng hợp Đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	-	-	7.334.325.000	-
- Đại lý Huy Chính	-	-	17.364.223.855	(313.109)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	50.024.080.614	(23.122.409.407)	144.898.263.719	(28.355.516.116)
	<b>104.891.721.507</b>	<b>(37.248.480.867)</b>	<b>279.208.065.841</b>	<b>(40.365.615.963)</b>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	<b>12.261.776.234</b>	-	<b>7.346.564.189</b>	-

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Chi tiết</b>				
- Công ty Cổ phần Phân Dạm và hóa chất Hà Bắc	329.027.000	-	12.426.020.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thiết kế Quốc tế Đông Á	397.112.100	-	9.947.541.260	-
- Hearty Chem Corporation	12.599.036.500	-	3.328.150.116	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thiên Tân	90.592.480	-	1.901.994.537	-
- Công ty TNHH MTV Phân bón Bình Nguyên	17.553.200.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại XNK Khai Anh	15.330.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - VINACHEM	12.040.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu	-	-	3.051.424.750	-
- Công ty TNHH Cơ khí Chín Mách	-	-	1.194.629.500	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	45.679.633.655	(70.000.000)	6.174.720.848	(70.000.000)
	<b>104.018.601.735</b>	<b>(70.000.000)</b>	<b>38.024.481.011</b>	<b>(70.000.000)</b>
<b>b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	<b>12.136.090.000</b>	-	<b>12.585.580.000</b>	-

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	15.292.340.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.028.012.021	-	11.906.849	-
- Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	290.872.189	-	432.036.886	-
- Tạm ứng	906.062.309	-	324.630.017	-
- Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	223.741.000	-
- Các khoản chi hộ	839.802.000	-	45.293.411	-
- Thuế nhập khẩu đề nghị hoàn tại Chi cục Hải quan Long Thành	-	-	1.169.964.458	-
- Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	77.061.196	-	-	-
- Phải thu khác	663.216.264	-	315.866.611	-
	<b>5.880.025.979</b>	<b>-</b>	<b>17.815.779.232</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	310.591.000	(10.000.000)	26.000.000	(10.000.000)
	<b>310.591.000</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>26.000.000</b>	<b>(10.000.000)</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)</i>	-	-	15.292.340.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Ngọc Hùng	2.954.703.200	-	2.954.703.200	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Xây dựng Ngọc Lễ	3.083.166.331	-	3.534.485.331	-
- DNTN Trung Đông	-	-	3.669.353.250	-
- Các khoản khác	70.296.110.202	39.005.498.866	53.045.994.477	22.758.920.295
	<u>76.333.979.733</u>	<u>39.005.498.866</u>	<u>63.204.536.258</u>	<u>22.758.920.295</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.200.267.543	-	6.401.428.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	468.640.216.509	-	220.139.890.384	-
Công cụ, dụng cụ	28.871.305	-	14.495.580	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	564.418.679	-	1.971.538.486	-
Thành phẩm	115.883.150.903	-	183.051.139.221	-
Hàng hoá	636.131.400	-	180.824.000	-
Hàng gửi đi bán	21.598.898.662	-	6.537.803.167	-
	<u>608.551.955.001</u>	<u>-</u>	<u>418.297.118.838</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	-	109.300.000
- Quạt hút công nghiệp	-	109.300.000
Xây dựng cơ bản	1.074.170.840	11.055.021.841
- Dự án nâng cấp dây chuyền NPK 100.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	282.727.273	282.727.273
- Dự án Cao ốc văn phòng Công ty	780.443.567	780.443.567
- Bồn chứa hóa chất - Nhà máy Long Thành	-	241.396.364
- Đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất axit H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> kỹ thuật hàm lượng 32% và 50% - Nhà máy Long Thành	-	9.542.354.637
- Đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền sản xuất phân bón lá Yogen - Nhà máy Cửu Long	-	197.100.000
- Đầu tư máy tráng màng PE và máy in 2 mặt - Nhà máy Bao bi	11.000.000	11.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.316.408.280
- Dây chuyền hơi nước thùng quay 150.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	-	913.019.680
- Dây chuyền hơi nước thùng quay 60.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	-	403.388.600
	<u>1.074.170.840</u>	<u>12.480.730.121</u>

**II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	205.098.847.949	255.722.281.475	33.377.085.256	4.071.612.409	498.269.827.089
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	21.584.029.183	2.620.513.990	185.930.000	24.390.473.173
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.541.989.163)	-	(1.541.989.163)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>205.098.847.949</b>	<b>277.306.310.658</b>	<b>34.455.610.083</b>	<b>4.257.542.409</b>	<b>521.118.311.099</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	173.859.884.150	212.034.405.264	30.349.744.407	3.463.034.621	419.707.068.442
- Khấu hao trong năm	5.652.745.476	16.393.589.151	1.513.809.676	413.347.222	23.973.491.525
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.541.989.163)	-	(1.541.989.163)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>179.512.629.626</b>	<b>228.427.994.415</b>	<b>30.321.564.920</b>	<b>3.876.381.843</b>	<b>442.138.570.804</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.238.963.799	43.687.876.211	3.027.340.849	608.577.788	78.562.758.647
Tại ngày cuối năm	25.586.218.323	48.878.316.243	4.134.045.163	381.160.566	78.979.740.295

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 372.658.695.425 VND.

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	-	-
- Thuê tài chính	1.246.227.273	1.246.227.273
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.246.227.273</b>	<b>1.246.227.273</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
- Trích khấu hao	311.556.816	311.556.816
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>311.556.816</b>	<b>311.556.816</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	934.670.457	934.670.457

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>113.624.444.707</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>114.702.444.707</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	23.844.888.936	592.900.011	24.437.788.947
- Khấu hao trong năm	2.411.484.132	215.600.004	2.627.084.136
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26.256.373.068</b>	<b>808.500.015</b>	<b>27.064.873.083</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	89.779.555.771	485.099.989	90.264.655.760
Tại ngày cuối năm	87.368.071.639	269.499.985	87.637.571.624

(\*) Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 125B Cách mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn đến hết năm 2061 và Quyền sử dụng đất tại Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn đến năm 2048.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	152.369.033	5.109.846
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	642.193.261	1.335.586.588
Chi phí sửa chữa TSCĐ	195.874.698	293.812.050
Chi phí xúc tiến thương mại	-	1.852.056.141
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.170.999.605
	<u>990.436.992</u>	<u>4.657.564.230</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	694.099.517	107.336.109
Chi phí phân bổ chất xúc tác	1.243.553.952	2.315.602.947
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	26.151.581.526	31.402.113.188
	<u>28.089.234.995</u>	<u>33.825.052.244</u>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng	17.462.024.807	17.462.024.807	11.212.297.230	11.212.297.230
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	10.051.569.064	10.051.569.064	10.850.643.981	10.850.643.981
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	11.394.629	11.394.629	24.718.339.975	24.718.339.975
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	9.245.000.000	9.245.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần INTERSERCO Mỹ Đình	5.358.000.000	5.358.000.000	-	-
- Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	-	-	12.281.542.550	12.281.542.550
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu An An	-	-	5.936.400.000	5.936.400.000
- Các khoản phải trả người bán khác	32.964.269.947	32.964.269.947	31.001.491.997	31.001.491.997
	<b>75.092.258.447</b>	<b>75.092.258.447</b>	<b>96.000.715.733</b>	<b>96.000.715.733</b>
	<b>10.066.230.693</b>	<b>10.066.230.693</b>	<b>35.987.377.156</b>	<b>35.987.377.156</b>

b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Heartychem Corporation	1.124.658.402	-
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vân	3.975.000.000	-
- Công ty TNHH Baconco	8.400.000.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hữu Thái	-	945.061.370
- Người mua trả tiền trước khác	3.079.240.042	569.860.773
	<b>16.578.898.444</b>	<b>1.514.922.143</b>



**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	15.528.277.055	15.528.277.055	15.528.277.055	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	10.640.064.316	11.184.279.595	11.184.279.595	544.215.279	-	544.215.279	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.619.110.475	-	7.355.231.141	2.871.879.520	2.871.879.520	-	2.864.241.146	-	2.864.241.146	-
Thuế Thu nhập cá nhân	10.006.603	13.207.394	562.541.959	492.408.191	492.408.191	-	73.334.559	-	73.334.559	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.069.836.684	1.465.645.524	1.465.645.524	395.808.840	-	395.808.840	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	7.000.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	32.000.000	32.000.000	32.000.000	-	-	-	-	-
	<b>1.629.117.078</b>	<b>13.207.394</b>	<b>35.194.951.155</b>	<b>31.581.489.885</b>	<b>31.581.489.885</b>	<b>940.024.119</b>	<b>2.937.575.705</b>	<b>940.024.119</b>	<b>2.937.575.705</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí lãi vay	514.224.513	261.467.187	-	-
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi	4.529.065.874	276.000.000	-	-
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.867.556.576	923.898.917	-	-
- Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng - Nhà máy Hiệp Phước	805.583.394	813.712.813	-	-
	<b>8.716.430.357</b>	<b>2.275.078.917</b>		

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng (*)	155.900.152	162.731.265
	<b>155.900.152</b>	<b>162.731.265</b>

(\*) Doanh thu nhận trước là tiền cho Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 07/DHTD ngày 25/09/2005 với thời gian thuê là 40 năm.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	249.253.302	538.180.108
- Bảo hiểm y tế	-	137.830.882
- Phải trả Tập đoàn về cổ phần hoá	3.623.472.867	3.623.472.867
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.106.495.200	2.108.955.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	570.684.000	499.174.000
- Phải trả thuế TNCN nộp thừa của cán bộ công nhân viên	111.534.221	136.945.317
- Phải trả về tiền giữ hộ khu cư xá Nhà máy Long Thành	1.740.299.427	1.592.934.662
- Phải trả tiền giữ lại nhà thầu để bảo hành công trình	-	79.916.424
- Phải trả tiền mượn nguyên liệu	5.229.917.550	520.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	640.911.969	526.222.537
	<b>14.272.568.536</b>	<b>9.763.631.997</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	169.119.510	169.119.510
	<b>169.119.510</b>	<b>169.119.510</b>

**Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) <b>Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	380.105.651.743	380.105.651.743	2.065.106.830.963	1.748.341.926.238	696.870.556.468	696.870.556.468
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	104.830.521.087	104.830.521.087	997.602.103.854	824.476.896.740	277.955.728.201	277.955.728.201
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé <sup>(3)</sup>	131.327.717.866	131.327.717.866	482.895.076.285	385.055.657.633	229.167.136.518	229.167.136.518
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam <sup>(4)</sup>	97.074.147.210	97.074.147.210	380.856.624.263	379.215.877.796	98.714.893.677	98.714.893.677
- Ngân hàng TNHH Một thành viên CTBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(5)</sup>	46.873.265.580	46.873.265.580	47.866.324.172	74.659.589.752	20.080.000.000	20.080.000.000
- <b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	-	155.886.702.389	84.933.904.317	70.952.798.072	70.952.798.072
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease <sup>(6)</sup>	-	-	394.638.636	-	394.638.636	394.638.636
	<b>380.105.651.743</b>	<b>380.105.651.743</b>	<b>2.065.501.469.599</b>	<b>1.748.341.926.238</b>	<b>697.265.195.104</b>	<b>697.265.195.104</b>
b) <b>Vay dài hạn</b>						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease <sup>(6)</sup>	-	-	1.358.500.000	393.501.872	964.998.128	964.998.128
	-	-	<b>1.358.500.000</b>	<b>393.501.872</b>	<b>964.998.128</b>	<b>964.998.128</b>
	-	-	(394.638.636)	-	(394.638.636)	-
	-	-			<b>570.359.492</b>	<b>964.998.128</b>

Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.2990091/2020-HĐCVHM/NHCT900-PHANBONMIENNAM ngày 23/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 20.299009/2020-HĐCVHM-SĐBS02/NHCT900-PHANBONMIENNAM ngày 23/11/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 23/11/2020 đến hết ngày 31/12/2021;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ và theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi suất trong năm 2021 là 4,4%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 277.955.728.201 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.
  
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0091/2028/N-KD/01 ngày 17/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
  - + Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ và theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi suất trong năm 2021 là 4,4% /năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 229.167.136.518 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm.
  
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7609940/HĐTD ngày 10/03/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết 31/12/2021;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ và theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi suất trong năm 2021 là 4,3% - 4,4%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 98.714.893.677 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.
  
- (4) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HDTD/PBMN/201705 ký ngày 13/07/2017 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/ANNEX06/PBMN/202103 ngày 06/05/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 1.200.000 USD, loại tiền cho vay: Việt Nam Đồng (VND) hoặc Đô la Mỹ (USD);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 12/03/2021 đến hết ngày 12/03/2022;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khoản rút vốn vay; Lãi suất trong năm 2021 là 4%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 20.080.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.

- (5) Hợp đồng tín dụng số STVN1268-17 ngày 27/10/2017 và Thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC1-STVN1268-17 ngày 02/07/2018, thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC2-STVN1268-17 ngày 27/11/2019, thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC3-STVN1268-17 ngày 09/11/2020, thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC4-STVN1268-17 ngày 26/10/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD;
  - + Mục đích vay: Thanh toán nguyên vật liệu, chi phí đóng gói, điện, than, chi phí quảng cáo, khuyến mãi và phí vận chuyển (bao gồm phí bốc dỡ);
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ thời điểm nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng kế ước nhận nợ; Lãi suất trong năm 2021 là 3,2% - 3,4%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 70.952.798.072 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:**

- (6) Hợp đồng thuê tài chính số B210220801 ngày 01/03/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Bên cho thuê: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease;
  - + Tài sản thuê: Ô tô con Toyota;
  - + Tổng giá trị hợp đồng: 1.358.500.000 đồng; Tổng số tiền thuê là 1.290.575.000 đồng;
  - + Lãi suất cho vay: Thả nổi;
  - + Thời hạn thanh toán: 36 tháng;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 964.998.128 đồng ; Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 394.638.636 đồng.

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	478.973.330.000		59.915.529.529		7.390.923.137		10.450.592.036		556.730.374.702
Lãi trong năm trước	-		-		-		3.025.746.695		3.025.746.695
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-		-		(123.166.275)		(123.166.275)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-		-		-		(216.000.000)		(216.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>478.973.330.000</b>		<b>59.915.529.529</b>		<b>7.390.923.137</b>		<b>13.137.172.456</b>		<b>559.416.955.122</b>
Số dư đầu năm nay	478.973.330.000		59.915.529.529		7.390.923.137		13.137.172.456		559.416.955.122
Lãi trong năm nay	-		-		-		36.595.558.486		36.595.558.486
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-		-		-		(242.059.736)		(242.059.736)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-		-		-		(132.000.000)		(132.000.000)
Chia cổ tức (*)	-		-		-		(11.974.333.250)		(11.974.333.250)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>478.973.330.000</b>		<b>59.915.529.529</b>		<b>7.390.923.137</b>		<b>37.384.337.956</b>		<b>583.664.120.622</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 7/ANQ-ĐHCD ngày 23/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ %	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	100,00	13.137.172.456
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,84	242.059.736
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	1,00	132.000.000
Chi trả cổ tức (2,5%)/ vốn điều lệ tại 31/12/2020, tương ứng mỗi cổ phần nhận 250 đồng)	91,15	11.974.333.250
Lợi nhuận chưa phân phối	6,00	788.779.470

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,05	311.588.130.000	65,05	311.588.130.000
- Các cổ đông khác	34,95	167.385.200.000	34,95	167.385.200.000
	<b>100</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>100</b>	<b>478.973.330.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>478.973.330.000</i>	<i>478.973.330.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>478.973.330.000</i>	<i>478.973.330.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>499.174.000</i>	<i>855.805.200</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>		
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>11.974.333.250</i>	<i>-</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>		
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(11.902.823.250)</i>	<i>(356.631.200)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>570.684.000</i>	<i>499.174.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>47.897.333</i>	<i>47.897.333</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>47.897.333</i>	<i>47.897.333</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	59.915.529.529	59.915.529.529
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.390.923.137	7.390.923.137
	<b>67.306.452.666</b>	<b>67.306.452.666</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất số 3710/TĐBĐ tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2007 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 95.606 m<sup>2</sup>, tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2025 là 13.800 đồng/m<sup>2</sup>/năm).
- Hợp đồng thuê đất tại lô B2 nằm trong khu công nghiệp Hiệp Phước tại Đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2002 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 70.081,2 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 214/2017 tại xã Tân Hòa, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2018 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 36.395,2 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.827,66	1.445,39
- Đồng Euro (EUR)	201,37	201,37

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Cơ sở kinh doanh Phân bón Phạm Văn Ngo	1.026.767.935	1.026.767.935
- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ	1.625.632.560	1.625.632.560
- Lê Thị Kim Mây	958.333.307	958.333.307
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông	3.669.353.250	-
- Công ty TNHH MTV Minh Thiện	2.052.498.348	-
- Các đối tượng khác	2.085.936.213	597.478.240
	<b>11.418.521.613</b>	<b>4.208.212.042</b>

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	2.117.795.193.883	1.432.243.941.364
	<b>2.117.795.193.883</b>	<b>1.432.243.941.364</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	<b>314.454.773.450</b>	<b>37.944.412.664</b>

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.791.192.983	6.987.001.302
Hàng bán bị trả lại	1.118.825.010	36.517.891.017
Giảm giá hàng bán	208.000.000	274.634.500
	<b>8.118.017.993</b>	<b>43.779.526.819</b>



**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.948.958.392.719	1.288.924.083.341
	<b>1.948.958.392.719</b>	<b>1.288.924.083.341</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	<b>425.072.327.708</b>	<b>179.831.305.712</b>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.112.705.100	280.818.765
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	634.841.580
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	15.292.340.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.911.583.005	1.659.034.664
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	323.053.044	-
	<b>10.347.341.149</b>	<b>17.867.035.009</b>
<b>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	<b>-</b>	<b>15.292.340.000</b>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.751.950.226	23.684.233.255
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.412.428.124	2.719.403.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	870.114.060	376.857.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	894.586.186
	<b>25.034.492.410</b>	<b>27.675.079.697</b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	790.977.942	729.647.655
Chi phí nhân công	5.840.839.225	5.324.958.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.718.222.965	38.096.544.899
Chi phí khác bằng tiền	14.363.392.236	10.392.243.621
	<b>72.713.432.368</b>	<b>54.543.394.830</b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	788.537.740	135.625.726
Chi phí nhân công	11.809.777.246	9.631.677.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.598.113.040	2.298.861.360
Chi phí dự phòng	4.093.174.474	11.488.222.929
Thuế, phí, và lệ phí	1.570.980.687	1.256.016.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.820.587.767	8.870.983.813
Chi phí khác bằng tiền	4.545.250.335	4.570.671.819
	<b>36.226.421.289</b>	<b>38.252.059.699</b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	523.818.182	272.345.455
Thu nhập từ phí ủy thác	685.999.937	-
Thu nhập từ bồi thường	87.318.000	38.575.479
Thu nhập từ bán phế liệu, CCDC	589.271.985	751.235.827
Thu nhập từ phí sử dụng cảng	3.572.863.339	2.853.323.796
Thu nhập từ nhập hàng thừa kiểm kê	-	1.818.703.231
Thu nhập từ cho thuê kho, hạ tầng	951.363.636	496.218.560
Thu nhập khác	106.082.150	225.710.076
	<b>6.516.717.229</b>	<b>6.456.112.424</b>
<b>Trong đó: Thu nhập khác đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	<b>2.547.990.685</b>	<b>3.162.648.922</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	32.000.000	208.440.061
Chi phí hỗ trợ, ủng hộ	93.298.000	800.000
Chi phí thu gom phế liệu	-	111.756.000
Chi phí khác	438.221.030	46.201.654
	<b>563.519.030</b>	<b>367.197.715</b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	43.044.976.452	3.025.746.695
Các khoản điều chỉnh tăng	4.926.442.237	11.380.248.572
- Chi phí không hợp lệ	397.376.363	248.876.061
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	10.236.786.325
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	894.586.186
- Chênh lệch tạm thời (chiết khấu)	4.529.065.874	
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.195.262.986)	(15.292.340.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(15.292.340.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(337.235.473)	-
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP còn được trừ của năm 2020 chuyển sang	(9.653.701.631)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.204.325.882)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	36.776.155.703	(886.344.733)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>7.355.231.141</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(1.619.110.475)	(838.304.617)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.871.879.520)	(780.805.858)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>2.864.241.146</b>	<b>(1.619.110.475)</b>

**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	905.813.175	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>905.813.175</b>	<b>-</b>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(905.813.175)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(905.813.175)</b>	<b>-</b>

### 35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.595.558.486	3.025.746.695
Các khoản điều chỉnh	-	(374.059.736)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(374.059.736)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.595.558.486	2.651.686.959
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	47.897.333	47.897.333
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>764</b>	<b>55</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.726.130.913.126	1.120.788.733.280
Chi phí nhân công	83.519.383.437	62.555.350.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.912.132.477	23.548.514.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.882.579.683	116.836.377.596
Chi phí khác bằng tiền	33.846.050.549	37.819.671.568
	<b>2.000.291.059.272</b>	<b>1.361.548.646.622</b>

### 37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.697.190.454	-	56.262.877.163	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.082.338.486	(37.258.480.867)	297.049.845.073	(40.375.615.963)
Các khoản cho vay	286.984.000.000	-	30.000.000.000	-
	<b>499.763.528.940</b>	<b>(37.258.480.867)</b>	<b>383.312.722.236</b>	<b>(40.375.615.963)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	697.835.554.596	380.105.651.743
Phải trả người bán, phải trả khác	89.533.946.493	105.933.467.240
Chi phí phải trả	8.716.430.357	2.275.078.917
	<b>796.085.931.446</b>	<b>488.314.197.900</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.697.190.454	-	-	101.697.190.454
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.523.266.619	300.591.000	-	73.823.857.619
Các khoản cho vay	286.984.000.000	-	-	286.984.000.000
	<b>462.204.457.073</b>	<b>300.591.000</b>	<b>-</b>	<b>462.505.048.073</b>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.262.877.163	-	-	56.262.877.163
Phải thu khách hàng, phải thu khác	256.658.229.110	16.000.000	-	256.674.229.110
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	<u>342.921.106.272</u>	<u>16.000.000</u>	<u>-</u>	<u>342.937.106.272</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	697.265.195.104	570.359.492	-	697.835.554.596
Phải trả người bán, phải trả khác	89.364.826.983	169.119.510	-	89.533.946.493
Chi phí phải trả	8.716.430.357	-	-	8.716.430.357
	<u>795.346.452.444</u>	<u>739.479.002</u>	<u>-</u>	<u>796.085.931.446</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	380.105.651.743	-	-	380.105.651.743
Phải trả người bán, phải trả khác	105.764.347.730	169.119.510	-	105.933.467.240
Chi phí phải trả	2.275.078.917	-	-	2.275.078.917
	<u>488.145.078.390</u>	<u>169.119.510</u>	<u>-</u>	<u>488.314.197.900</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.065.106.830.963	1.117.020.403.879
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.748.341.926.238	1.134.320.810.148

### 39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	Công ty liên kết
- Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - Vinachem	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	Cùng Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>314.454.773.450</b>	<b>37.944.412.664</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	1.664.443.419	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	306.973.744.031	15.780.732.000
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	22.163.680.664
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	5.816.586.000	-
<b>Nhận cổ tức được chia</b>	<b>-</b>	<b>15.292.340.000</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	-	15.292.340.000
<b>Thu nhập từ cung cấp điện, nước, chỗ neo tàu</b>	<b>2.547.990.685</b>	<b>3.162.648.922</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	2.547.990.685	3.162.648.922

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>425.072.327.708</b>	<b>179.831.305.712</b>
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	82.704.122.327	48.171.297.692
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	116.501.830.000	53.382.125.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	27.546.993.000	6.030.398.000
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	910.687.250	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	3.000.000	-
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	147.158.546.994	35.098.234.975
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	14.850.000	22.440.000
- Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	3.010.909
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại TP. Hồ Chí Minh	12.181.637	14.123.636
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	-	4.736.000
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	48.516.500	46.317.000
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	50.161.600.000	37.058.622.500
- Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật Hóa Chất	10.000.000	-
<b>Giảm giá hàng mua</b>	<b>-</b>	<b>1.124.204.500</b>
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	966.017.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	-	158.187.500
<b>Chia cổ tức</b>	<b>7.789.703.250</b>	<b>-</b>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	7.789.703.250	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>12.261.776.234</b>	<b>7.346.564.189</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	1.191.889.222	734.400.167
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	9.762.497.412	5.816.231.592
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	1.307.389.600	-
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - VINACHEM	-	795.932.430
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>12.136.090.000</b>	<b>12.585.580.000</b>
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	12.426.020.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	96.090.000	159.560.000
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	12.040.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>15.292.340.000</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	-	15.292.340.000
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>10.066.230.693</b>	<b>35.987.377.156</b>
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	10.051.569.064	10.850.643.981
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	3.267.000	2.904.000
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	11.394.629	24.718.339.975
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - Vinachem	-	415.489.200



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	534.750.438	500.407.905
- Ông Đặng Tấn Thành	534.750.438	500.407.905
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	426.592.620	458.642.174
- Ông Vũ Minh Tuấn	336.388.052	-
- Ông Trần Hữu Cường	389.909.333	448.532.946
- Ông Nguyễn Văn Quý	72.000.000	84.000.000
- Ông Lê Việt Hưng	297.592.620	305.642.174
- Ông Trần Phi Hùng	57.000.000	69.000.000

#### 41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Hương  
Người lập



Đỗ Văn Tuấn  
Kế toán trưởng



Đặng Tấn Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

....., ngày tháng năm 2022

**GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI**  
**ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty cổ phần Phân Bón Miền Nam

Tên cổ đông:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

ngày cấp: / / tại: .....

Điện thoại:.....

Tôi đang có quyền sở hữu.....cổ phần của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam. Bằng giấy đăng ký này, tôi xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phân Bón Miền Nam.

**CỔ ĐÔNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

....., ngày ... tháng ..... năm 2022

**GIẤY ỦY QUYỀN**  
**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

**1. Bên ủy quyền:**

Tên cá nhân/tổ chức: .....  
CMND/GPĐKKD số: ..... cấp ngày ..... tại.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Số cổ phần sở hữu:.....  
(Bằng chữ:.....)

**2. Bên nhận ủy quyền:**

2.1. Tên cá nhân/tổ chức: .....  
CMND/GPĐKKD số: ..... cấp ngày ..... tại.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Số cổ phần sở hữu:.....  
(Bằng chữ:.....)

2.2. Trong trường hợp cổ đông không có người đại diện ủy quyền tham dự đại hội, Cổ đông có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị (“HDQT”) của SFJC như sau: (Đánh dấu X vào một trong các ô sau đây)

- Ông Nguyễn Văn Quý – Chủ tịch HDQT  
 Ông Đặng Tấn Thành – Thành viên HDQT  
 Ông Trịnh Quốc Hùng – Thành viên HDQT  
 Ông Ngô Ngọc Quang – Thành viên HDQT

**3. Nội dung ủy quyền:**

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23/4/2021 của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền, đồng thời không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**BÊN ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ chức vụ và họ tên)

(\*) Ghi chú: Nếu Bên ủy quyền là tổ chức phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHAN BÓN MIỀN NAM

125B Cách Mạng Tháng 5, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3832 5889 – 3839 3931 Fax: (028) 3832 2807

Website: [www.phanbonmiennam.com.vn](http://www.phanbonmiennam.com.vn)

### GIỚI THIỆU ĐẠI BIỂU THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

TT	Họ và tên	Số CCCD	Ngày cấp/Nơi cấp	Chức vụ tại Công ty
1	Nguyễn Văn Quý	025065000331	17/3/2020, Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Chủ tịch HĐQT
2	Đặng Tấn Thành	093063000172	29/5/2021, Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	- Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
3	Trịnh Quốc Hùng	038074015434	29/4/2021, Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	Thành viên HĐQT
4	Ngô Ngọc Quang	025314701	01/06/2015, Công an Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên HĐQT

Cổ đông, nhà đầu tư không có điều kiện dự họp có thể ủy quyền cho một trong các cá nhân nêu trên. Giấy ủy quyền gửi về Công ty Cổ phần Phan bón Miền Nam trước 16h30 ngày 25/4/2022 theo địa chỉ:

**Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Phan bón Miền Nam**

-Địa chỉ: 125B, Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

-Điện thoại: (028) 3832 5889 – 3839 3931

-Fax: (028) 3832 2807

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quý

# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

### PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG

Họ và tên cổ đông :  
Số cổ phần sở hữu : CP  
Số cổ phần đại diện : CP  
Tổng số cổ phần biểu quyết: CP

Các vấn đề biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Thông qua báo cáo của Ban Điều hành về kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Thông qua tờ trình phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Thông qua tờ trình về kế hoạch SX-KD và dự kiến cổ tức năm 2022; Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức tạm ứng cổ tức và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Thông qua tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty năm 2021 và dự kiến mức trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty năm 2022.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13. Thông qua nhân sự bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Cổ đông/người nhận ủy quyền ký tên

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**THẺ BIỂU QUYẾT**

MÃ ĐẠI HỘI

Tên cổ đông :

Số cổ phần sở hữu :

Số cổ phần đại diện :

Tổng số cổ phần biểu quyết :

Số: 06/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

- Số lượng nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm: **01 thành viên**
- Nhân sự trình đề miễn nhiệm: Ông Lê Việt Hưng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN VĂN QUÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN TỪ NHIỆM**

Kính gửi:

-Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

-Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Tôi tên là: LÊ VIỆT HUNG

Sinh ngày: 18/07/1969

Hộ khẩu thường trú: 51/9C Phạm Văn Chiêu F14 Q Gò Vấp TpHCM

Số CCCD: 060069000145 cấp ngày 21/02/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020-2025.

Nay tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam thông báo về việc từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020-2025.

Lý do: Tập trung cho công tác chuyên môn với vị trí Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2022

**NGƯỜI VIẾT ĐƠN**



**Lê Việt Hưng**





## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Trụ sở chính: 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 05, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3832 5889 Fax: (028) 3832 2807 Website: <https://phanbonmiennam.com.vn/>

### GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

(Áp dụng cho cổ đông)

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

- Họ tên cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2021):..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam cho tôi đề cử:**

1. Ông/Bà: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....
- Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
2. Ông/Bà: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....
- Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
3. Ông/Bà: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....
- Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

4. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

5. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025.**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Người đề cử**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Trụ sở chính: 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 05, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3832 5889 Fax: (028) 3832 2807 Website: <https://phanbonmiennam.com.vn/>

### GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

(Áp dụng cho nhóm cổ đông)

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

- Người đại diện nhóm cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....  
(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)
- Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2021) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam cho chúng tôi đề cử:**

1. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
2. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
3. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

4. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

5. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025.**

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Người đại diện nhóm cổ đông đề cử**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/ GĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
<b>Tổng cộng</b>					

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM**  
**ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**  
**NHIỆM KỲ 2020 - 2025.**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Hôm nay, ngày ...../...../2022, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, cùng nhau nắm giữ .....cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
4					
5					
	<b>Tổng cộng</b>				

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

**Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025.**

**Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

2. **Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
3. **Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
4. **Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
5. **Ông/Bà:** .....  
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú: .....  
 Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
 Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
 Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /.../..... tại .....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Người được đề cử đại diện nhóm**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

**Trụ sở chính:** 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 05, Quận 3, TP.HCM

**Điện thoại:** (028) 3832 5889 **Fax:** (028) 3832 2807 **Website:** <https://phanbonmiennam.com.vn/>

### GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2025

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

- Tôi tên là: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022):..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

Xin trân trọng cảm ơn!

#### **Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Người tự đề cử**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

-



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**  
-----o0o-----  
**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

**Họ và tên :**  
**Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị**

<i>Họ và tên:</i>		
<i>Giới tính:</i>		
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>		
<i>Nơi sinh:</i>		
<i>CMND/CCCD: 025314701</i>		
<i>Quốc tịch:</i>		
<i>Địa chỉ thường trú:</i>		
<i>Số điện thoại liên lạc:</i>		
<i>Trình độ chuyên môn:</i>		
<b>Quá trình Công tác:</b>		
<b>Từ tháng, năm đến tháng, năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....</b>	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại Tổng Công ty: Không</i>		
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam</i>		
<i>Các lợi ích liên quan đến Tổng Công ty (nếu có):</i>		
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm):</i>	..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ	
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	..... cổ phần, chiếm ..... vốn điều lệ	

+ Cá nhân sở hữu:	..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty: Không</i>	1. Mối quan hệ: ....., Tên cá nhân/tổ chức: ..... ..... năm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ.
	2. Mối quan hệ: ....., Tên cá nhân/tổ chức: ..... ..... năm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022*

**NGƯỜI KHAI**